

PHỤ LỤC 06: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ. CÁC TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TẠI NÔNG THÔN (QUỐC LỘ, TỈNH LỘ, ĐƯỜNG LIÊN XÃ, PHƯỜNG) KHU DÂN CƯ, KHU ĐÔ THỊ, KHU NHÀ Ở

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	PHƯỜNG BẮC GIANG				
1.1	Đường Lý Thái Tổ				
-	Đoạn từ đầu cầu Mỹ Độ đến đường Tân Ninh (bên trái đến đường Ngô Gia Tự)	65.000			
-	Đoạn từ Ngô Gia Tự đến đường Lê Lợi (bên phải từ đường Tân Ninh)	80.000			
1.2	Đường Xương Giang				
-	Đoạn từ cầu Mỹ Độ đến hết đường Quang Trung	40.000			
-	Đoạn từ hết đường Quang Trung đến hết đường Nguyễn Thị Minh Khai	80.000			
+	(Bên phía đường sắt)	16.000			
-	Đoạn từ hết đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đoạn rẽ vào đường Giáp Văn Phúc	50.000			
-	Đoạn từ đường rẽ vào đường Giáp Văn Phúc đến đường Lý Tử Tấn	40.000			
+	(Bên phía đường sắt)	15.000			
-	Đoạn từ đường Lý Tử Tấn đến hết địa phận phường Xương Giang	32.000			
+	(Bên phía đường sắt)	15.000			
1.2.1	Đường Xương Giang 2	40.000			
1.2.2	Đường Xương Giang 4	40.000			
1.3	Đường Quang Trung	95.000			
1.4	Đường Chợ Thương	55.000			
1.5	Đường Nguyễn Thị Lưu				
-	Đoạn từ đường Quang Trung đến đường Hùng Vương	65.000			
-	Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường rẽ vào Nhà văn hóa tổ 9, phường Ngô Quyền	90.000			
-	Đoạn từ đường rẽ vào Nhà văn hóa tổ 9, phường Ngô Quyền đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	65.000			
-	Đường Nguyễn Thị Lưu 1	40.000			
-	Đường Nguyễn Thị Lưu 2	40.000			
-	Đường Nguyễn Thị Lưu 4	40.000			
-	Đường Nguyễn Thị Lưu 6	40.000			
-	Đường Nguyễn Thị Lưu 8	32.000			
1.6	Phố Yết Kiêu	65.000			
-	Đường Yết Kiêu 1	40.000			
-	Đường Yết Kiêu 2	40.000			
1.7	Phố Thân Nhân Vũ	55.000			
1.8	Đường Nguyễn Gia Thiều	65.000			
1.9	Đường Ngô Gia Tự	80.000			
-	Đường Ngô Gia Tự 1	50.000			
1.10	Phố Trần Quốc Toản	60.000			
1.11	Đường Nguyễn Văn Cừ				
-	Đoạn từ đường Xương Giang đến đường Lê Lợi	100.000			
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Huyền Quang	50.000			

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1.12	Đường Lê Lợi				
-	Đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến ngã tư đường Nguyễn Thị Minh Khai	80.000			
-	Đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Giáp Hải	65.000			
-	Đoạn từ đường Giáp Hải đến đường Nguyễn Chí Thanh	50.000			
-	Đường Lê Lợi 1	35.000			
-	Đường Lê Lợi 2	35.000			
1.13	Đường Lương Văn Năm	45.000			
1.14	Đường Cả Trọng	50.000			
-	Đường Cả Trọng 1	35.000			
-	Đường Cả Trọng 2	35.000			
1.15	Đường Hùng Vương				
-	Đoạn từ đường Xương Giang đến đường Huyền Quang	100.000			
-	Đoạn từ đường Huyền Quang đến đường QL 1A	60.000			
-	Đường Hùng Vương 1	40.000			
-	Đường Hùng Vương 2	45.000			
-	Đường Hùng Vương 3	35.000			
1.16	Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hoàng Văn Thái)				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Hùng Vương	80.000			
-	Đoạn từ Hùng Vương đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	120.000			
-	Đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Giáp Hải	75.000			
-	Đoạn từ đường Giáp Hải đến đường Nguyễn Chí Thanh	60.000			
-	Đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Hoàng Văn Thái	45.000			
-	Đường Hoàng Văn Thụ 1	35.000			
-	Đường Hoàng Văn Thụ 2	40.000			
1.17	Đường Thân Cảnh Vân	80.000			
1.18	Đường Ngô Văn Cảnh	65.000			
-	Đường Ngô Văn Cảnh 1	45.000			
1.19	Đường Nguyễn Thị Minh Khai				
-	Đoạn từ đường Xương Giang đến đường rẽ vào đường vào cạnh chợ Trần Luận	60.000			
-	Đoạn từ đường rẽ vào cạnh chợ Trần Luận đến đường Lê Lợi	80.000			
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến hết đường Thanh Niên	65.000			
-	Đường Nguyễn Thị Minh Khai 1	35.000			
-	Đường Nguyễn Thị Minh Khai 2	45.000			
-	Đường Nguyễn Thị Minh Khai 4	35.000			
1.20	Đường Lê Lý	50.000			
-	Đường Lê Lý 2	35.000			
-	Đường Lê Lý 4	35.000			
-	Đường Lê Lý 8	40.000			
1.21	Đường Nguyễn Văn Mẫn				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Thị Lưu đến đường Ngô Gia Tự	50.000			
-	Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Nghĩa Long	35.000			
1.22	Đường Trần Nguyên Hân				
-	Đoạn từ đường Xương Giang đến đường Trần Quang Khải	50.000			
-	Đoạn từ đường Trần Quang Khải đến đường Lều Văn Minh	40.000			
-	Đoạn từ đường Lều Văn Minh đến cổng 1 Công ty Đạm				
+	Bên phải	28.000			



STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
+	Bên Trái	25.000			
-	Đường Trần Nguyên Hân 2	25.000			
1.23	Đường Nghĩa Long	40.000			
1.24	Đường Á Lữ	50.000			
1.25	Đường Tân Ninh	40.000			
1.26	Đường Thánh Thiên	55.000			
1.27	Đường Huyền Quang	35.000			
1.28	Đường Nguyễn Cao	50.000			
1.29	Đường Tiền Giang				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Cừ đến hết đường Thánh Thiên	36.000			
-	Đoạn từ hết đường Thánh Thiên đến đê sông Thương	20.000			
1.30	Đường Nguyễn Khắc Nhu (từ đường Xương Giang đến đường Nguyễn Nghĩa Lập)				
-	Đoạn từ đường Xương Giang đến đường Nguyễn Doãn Dịch	32.000			
-	Đoạn từ đường Nguyễn Doãn Dịch đến đường Nguyễn Nghĩa Lập	25.000			
1.31	Đường Đặng Thị Nho	35.000			
1.32	Đường Giáp Hải	40.000			
-	Đường Giáp Hải 1	25.000			
-	Đường Giáp Hải 2	25.000			
1.33	Đường Lý Tự Trọng	45.000			
-	Đường Lý Tự Trọng 2	35.000			
-	Đường Lý Tự Trọng 4	35.000			
-	Đường Lý Tự Trọng 6	35.000			
-	Đường Lý Tự Trọng 8	35.000			
1.34	Đường Vi Đức Thắng	40.000			
-	Đường Vi Đức Thắng 1	35.000			
-	Đường Vi Đức Thắng 2	35.000			
-	Đường Vi Đức Thắng 3	35.000			
-	Đường Vi Đức Thắng 4	35.000			
1.35	Đường Chu Danh Tể	40.000			
1.36	Đường Giáp Lễ	35.000			
-	Đường Giáp Lễ 2	35.000			
1.37	Đường Nguyễn Du	35.000			
1.38	Đường Phồn Xương	50.000			
1.39	Phố Thân Công Tài	35.000			
1.40	Đường Nguyễn Khuyến	40.000			
-	Đường Nguyễn Khuyến 1	35.000			
-	Đường Nguyễn Khuyến 3	35.000			
-	Đường Nguyễn Khuyến 5	35.000			
-	Đường Nguyễn Khuyến 7	35.000			
1.41	Đường Hoàng Quốc Việt	45.000			
1.42	Đường Nguyễn Đình Tuấn	50.000			
1.42.1	Đường Nguyễn Đình Tuấn 2	35.000			
1.43	Đường Quách Nhẫn				
-	Đoạn từ đường Ngô Văn Cảnh đến đường Thân Cảnh Vân	80.000			
-	Đoạn từ đường Thân Cảnh Vân đến đường Lê Hồng Phong	45.000			
-	Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến đường Giáp Hải	36.000			
-	Đường Quách Nhẫn 2	35.000			

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
-	Đường Quách Nhân 2A	35.000			
-	Đường Quách Nhân 4	35.000			
1.44	Đường Tôn Thất Tùng	40.000			
-	Đường Tôn Thất Tùng 1	35.000			
-	Đường Tôn Thất Tùng 2	35.000			
1.45	Đường Nguyễn Hồng	40.000			
1.46	Đường Lê Triện	40.000			
1.47	Đường Lê Hồng Phong				
-	Từ đường Xương Giang đến đường Lê Lợi	55.000			
-	Từ đường Lê Lợi đến đường Tạ Thúc Bình	40.000			
-	Đường Lê Hồng Phong 1	35.000			
-	Đường Lê Hồng Phong 2	40.000			
-	Đường Lê Hồng Phong 4	35.000			
1.48	Đường Giáp Văn Phúc	35.000			
1.49	Đường Đỗ Văn Quynh	35.000			
1.50	Đường Thanh Niên				
-	Từ điểm đầu đường Thanh Niên đến đường Nguyễn Chí Thanh (nút giao QL.31 - QL.1A)	45.000			
-	Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Công ty ô tô Trường Hải	40.000			
-	Đường Thanh Niên 1	30.000			
-	Đường Thanh Niên 3	35.000			
-	Đường Thanh Niên 5	25.000			
-	Đường Thanh Niên 7	28.000			
-	Các đường còn lại trong Khu dân cư phía Nam (phường Dĩnh Kế cũ và không bao gồm các đường có tên)	25.000			
1.51	Đường Đào Sư Tích				
-	Đoạn từ đường Xương Giang đến đường Quách Nhân	28.000			
-	Đoạn từ đường Quách Nhân đến đường Lê Lợi	56.000			
-	Đường Đào Sư Tích 1	36.000			
-	Đường Đào Sư Tích 2	36.000			
-	Đường Đào Sư Tích 3	36.000			
-	Đường Đào Sư Tích 4	36.000			
-	Các đoạn đường còn lại trong Khu dân cư số 2 (Không bao gồm các đường có tên)	30.000			
1.52	Đường Vương Văn Trà				
-	Đoạn từ đường Xương Giang đến đường Lưu Nhân Chú	28.000			
-	Đoạn từ đường Lưu Nhân Chú đến đường Dương Đình Cúc	25.000			
1.53	Đường Nguyễn Công Hãng	25.000			
1.54	Đường Đàm Thận Huy (Đàm Thuận Huy)	25.000			
1.55	Đường Trần Quang Khải	50.000			
-	Đường Trần Quang Khải 1	30.000			
-	Đường Trần Quang Khải 2	30.000			
-	Đường Trần Quang Khải 3	30.000			
-	Đường Trần Quang Khải 5	30.000			
-	Đường Trần Quang Khải 7	30.000			
1.56	Đường Châu Xuyên	32.000			
1.57	Đường Lê Đức Trung	30.000			
1.58	Đường Lê Sát	30.000			



STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1.59	Phố Trần Đình Ngọc	30.000			
1.60	Đường Nguyễn Danh Vọng	30.000			
1.61	Đường Nguyễn Đình Chính	30.000			
-	Đường Nguyễn Đình Chính 1	30.000			
-	Đường Nguyễn Đình Chính 3	30.000			
1.62	Đường Lưu Nhân Chú	30.000			
1.63	Đường Thân Cảnh Phúc	30.000			
1.64	Đường Thân Nhân Tín	30.000			
1.65	Đường Lê An	30.000			
1.66	Đường Ngô Trang	30.000			
1.67	Đường Nguyễn Doãn Định	30.000			
1.68	Đường Trần Đăng Tuyển	40.000			
1.69	Đường Nhật Đức	30.000			
-	Đường Nhật Đức 1	25.000			
-	Các đường còn lại trong Khu dân cư số 3 (Không bao gồm các đường có tên)	25.000			
1.70	Đường Võ Thị Sáu	30.000			
1.71	Đường Đồng Cửa	35.000			
-	Đường Đồng Cửa 1	30.000			
-	Đường Đồng Cửa 2	30.000			
-	Đường Đồng Cửa 3	30.000			
-	Đường Đồng Cửa 5	30.000			
-	Đường Đồng Cửa 7	30.000			
1.72	Đường Cô Bắc	40.000			
1.73	Đường Cao Kỳ Vân				
-	Đoạn từ đường Trần Nguyên Hãn đến đường Nguyễn Công Hãng	20.000			
-	Đoạn từ đường Nguyễn Công Hãng đến đầu tổ dân phố Cung Nhượng 1	15.000			
-	Đoạn từ đầu tổ dân phố Cung Nhượng 1 đến bờ đê sông Thương	13.000			
1.74	Đường Hồ Công Dự	20.000			
-	Đường Hồ Công Dự 1	30.000			
1.75	Đường Lê Lai				
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến hết Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	35.000			
-	Đoạn từ hết Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến đường Hùng Vương	45.000			
1.76	Đường Cô Giang	25.000			
1.77	Đường Phạm Liêu	18.000			
1.78	Đường Phùng Trạm	18.000			
1.79	Đường Nguyễn Duy Năng	18.000			
1.80	Đường Lê Văn Minh	16.000			
1.81	Đoạn đê tả sông Thương	15.000			
1.82	Đường Lý Tử Tấn	25.000			
-	Đường Lý Tử Tấn 1	20.000			
-	Đường Lý Tử Tấn 3	20.000			
-	Đường Lý Tử Tấn 5	20.000			
1.83	Đường Lê Khôi	20.000			
1.84	Đường Đông Giang	20.000			

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
-	Đường Đông Giang 1	20.000			
-	Đường Đông Giang 2	20.000			
-	Đường Đông Giang 3	20.000			
-	Đường Đông Giang 4	20.000			
-	Đường Đông Giang 5	20.000			
-	Đường Đông Giang 7	20.000			
1.85	Nguyễn Chí Thanh				
-	Đoạn từ Nhà máy phân Đạm đến đường Trần Nhật Duật	30.000			
-	Đoạn từ đường Trần Nhật Duật đến Lương Đình Của	25.000			
-	Đoạn từ đường Lương Đình Của đến đường QL.1A	45.000			
1.86	Đường Nguyễn Đình Tấn	30.000			
1.87	Đường Hoàng Công Phụ	25.000			
1.88	Đường Lương Thế Vinh	40.000			
-	Đường Lương Thế Vinh 2	32.000			
-	Đường Lương Thế Vinh 4	32.000			
1.89	Đường Đông Thành	17.000			
1.90	Nguyễn Huy Bính	15.000			
-	Đường Nguyễn Huy Bính 1	20.000			
1.91	Đường Anh Thơ	35.000			
-	Đường Anh Thơ 2	30.000			
-	Đường Anh Thơ 4	30.000			
1.92	Đường Phạm Túc Minh	25.000			
-	Đường Phạm Túc Minh 1	25.000			
1.93	Đường Nguyễn Thọ Vinh	30.000			
-	Đường Nguyễn Thọ Vinh 2	30.000			
-	Đường Nguyễn Thọ Vinh 4	30.000			
-	Đường Nguyễn Thọ Vinh 6	30.000			
1.94	Đường Nguyễn Nghĩa Lập				
-	Đoạn từ đường Trần Nguyên Hãn đến đường Trần Quang Khải 7	30.000			
-	Đoạn từ đường Trần Quang Khải 7 đến đường Trần Bình Trọng	25.000			
-	Đường Nguyễn Nghĩa Lập 2	25.000			
-	Đường Nguyễn Nghĩa Lập 4	25.000			
1.95	Đường Trần Bình Trọng	30.000			
-	Đường Trần Bình Trọng 1	25.000			
1.96	Đường Trần Khát Chân	25.000			
-	Đường Trần Khát Chân 1	25.000			
1.97	Các đường, ngõ còn lại trên địa bàn các phường cũ: Trần Phú, Ngô Quyền, Hoàng Văn Thụ, Dĩnh Kế (Không bao gồm các đường có tên)				
-	Các đường, ngõ có mặt cắt từ 5m trở lên	20.000			
-	Các đường, ngõ có mặt cắt dưới 5m	17.000			
1.98	Các đường, ngõ còn lại trên địa bàn các phường cũ: Thọ Xương, Xương Giang, Dĩnh Trì (Không bao gồm các đường có tên)				
-	Các đường, ngõ có mặt cắt từ 5m trở lên	15.000			
-	Các đường, ngõ có mặt cắt dưới 5m	13.000			

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1.99	Đường nối từ đường Hùng Vương đến đường Ngô Văn Cảnh (phía sau Nhà khách tỉnh)	50.000			
1.100	Đường từ đường Nguyễn Văn Mẫn đến đường Nguyễn Gia Thiều (phía sau Trung tâm thương mại Vincom)	50.000			
1.101	Đường Nguyễn Trãi (QL31)	40.000			
-	Đường Nguyễn Trãi 1	20.000			
-	Đường Nguyễn Trãi 2	25.000			
-	Đường Nguyễn Trãi 3	20.000			
-	Đường Nguyễn Trãi 4	25.000			
1.102	Đường Nguyễn Bình Khiêm (TL299)	30.000			
1.102	Đường Trường Chinh				
-	Đoạn qua tổ dân Thanh Lương	45.000			
-	Đoạn qua tổ dân phố Đông Mo, Trại Nội, phường Bắc Giang	30.000			
1.104	Đường Bàn Bá Lân	40.000			
-	Đường Bàn Bá Lân 2	30.000			
1.105	Đường Hồ Xuân Hương	40.000			
1.106	Đường Nguyễn Bính	30.000			
1.107	Đường Tạ Thúc Bình	25.000			
-	Đường Tạ Thúc Bình 1	25.000			
1.108	Các đường còn lại trong Khu đô thị Bách Việt	25.000			
1.109	Đường Tôn Đức Thắng	60.000			
-	Đường Tôn Đức Thắng 1	40.000			
1.110	Đường Huỳnh Thúc Kháng	70.000			
-	Đường Huỳnh Thúc Kháng 6	35.000			
1.111	Đường Nguyễn Thị Định	45.000			
1.112	Đường Lê Duẩn	70.000			
-	Đường Lê Duẩn 1	40.000			
-	Đường Lê Duẩn 3	40.000			
-	Đường Lê Duẩn 5	40.000			
-	Đường Lê Duẩn 10	40.000			
1.113	Đường Lê Thanh Nghị	55.000			
-	Đường Lê Thanh Nghị 4	40.000			
-	Đường Lê Thanh Nghị 6	40.000			
-	Đường Lê Thanh Nghị 8	40.000			
-	Đường Lê Thanh Nghị 10	40.000			
1.114	Đường Trần Nhân Tông				
-	Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Nguyễn Văn Linh	90.000			
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Phạm Hùng	70.000			
1.115	Đường Nguyễn Văn Linh				
-	Đoạn từ đường gom QL.1A đến đường Trường Chinh	70.000			
-	Nguyễn Văn Linh 1	40.000			
-	Nguyễn Văn Linh 2	40.000			
-	Nguyễn Văn Linh 4	40.000			
-	Nguyễn Văn Linh 6	40.000			
1.116	Đường Phạm Văn Đồng	50.000			
1.117	Đường Trần Khánh Dư	20.000			
1.118	Đường Trần Nhật Duật	22.000			
-	Đường Trần Nhật Duật 1	20.000			
-	Đường Trần Nhật Duật 2	20.000			

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
-	Đường Trần Nhật Duật 3	20.000			
1.119	Đường Phạm Ngũ Lão	22.000			
-	Đường Phạm Ngũ Lão 2	20.000			
-	Đường Phạm Ngũ Lão 3	20.000			
-	Đường Phạm Ngũ Lão 4	20.000			
1.120	Đường Dã Tượng	20.000			
1.121	Đường Nguyễn Khoái	20.000			
-	Đường Nguyễn Khoái 1	20.000			
1.122	Đường Huyền Trân Công Chúa	20.000			
-	Đường Huyền Trân Công Chúa 1	20.000			
1.123	Đường Thân Thừa Quý	20.000			
1.124	Đường Trần Quý Khoáng	20.000			
1.125	Đường Hoàng Cầm	25.000			
1.126	Đường Tô Vũ	25.000			
1.127	Đường Văn Cao	30.000			
1.128	Đường Hoàng Văn Thái	25.000			
1.129	Đường Ngô Tất Tố	25.000			
-	Đường Ngô Tất Tố 2	20.000			
1.130	Đường Tạ Quang Bửu	25.000			
-	Đường Tạ Quang Bửu 1	20.000			
-	Đường Tạ Quang Bửu 2	20.000			
-	Đường Tạ Quang Bửu 3	20.000			
-	Đường Tạ Quang Bửu 4	20.000			
1.131	Đường Vũ Trọng Phụng	25.000			
-	Đường Vũ Trọng Phụng 1	20.000			
-	Đường Vũ Trọng Phụng 3	20.000			
-	Đường Vũ Trọng Phụng 5	20.000			
1.132	Đường Nguyễn Tuấn	25.000			
1.133	Đường Đặng Thai Mai	20.000			
1.134	Đường Lê Văn Thiêm	20.000			
1.135	Đường Lương Định Của	20.000			
1.136	Đường Tô Ngọc Vân	20.000			
1.137	Đường Trương Phổ	20.000			
1.138	Đường Hòa Yên	25.000			
1.139	Đường Nam Hồng	25.000			
-	Đường Nam Hồng 1	25.000			
-	Đường Nam Hồng 2	25.000			
-	Đường Nam Hồng 3	25.000			
-	Đường Nam Hồng 4	25.000			
-	Đường Nam Hồng 5	25.000			
-	Đường Nam Hồng 6	25.000			
-	Đường Nam Hồng 8	25.000			
1.140	Đường Lê Thụ	25.000			
1.141	Đường Lê Bôi	17.500			
1.142	Đường gom Quốc lộ 1A qua thành phố Bắc Giang	23.000			
1.143	Đường Trại Cháy	18.000			
-	Đường Trại Cháy 1	17.000			
-	Đường Trại Cháy 2	17.000			
-	Đường Trại Cháy 3	17.000			

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1.144	Đường Nguyễn Hữu Cẩn	35.000			
1.145	Đường Nguyễn Đắc Thọ	25.000			
1.146	Đường Nguyễn Đạo Mạch	25.000			
1.147	Đường Hà Vị	25.000			
1.148	Đường Dương Quốc Nghĩa	25.000			
1.149	Đường Thân Thiệu Thái	25.000			
1.150	Đường Dương Đình Cúc	25.000			
1.151	Đường Trịnh Như Tấu	25.000			
-	Đường Trịnh Như Tấu 2	20.000			
-	Đường Trịnh Như Tấu 4	20.000			
-	Đường Trịnh Như Tấu 6	20.000			
-	Đường Trịnh Như Tấu 8	20.000			
-	Đường Trịnh Như Tấu 10	20.000			
1.152	Đường Bánh Châu	25.000			
1.153	Đường Bánh Bảo	25.000			
1.154	Đường Văn Tiến Dũng	35.000			
-	Đường Văn Tiến Dũng 1	25.000			
-	Đường Văn Tiến Dũng 3	25.000			
1.155	Đường Nguyễn Văn Dậu	25.000			
1.156	Đường Nguyễn Viết Xuân	25.000			
1.157	Đường Nguyễn Văn Trỗi	25.000			
-	Đường Nguyễn Văn Trỗi 1	25.000			
1.158	Đường Hồ Tùng Mậu	30.000			
-	Đường Hồ Tùng Mậu 1	25.000			
-	Đường Hồ Tùng Mậu 2	25.000			
-	Đường Hồ Tùng Mậu 4	25.000			
-	Đường Hồ Tùng Mậu 6	25.000			
1.159	Đường Đoàn Thị Điểm	25.000			
-	Đường Đoàn Thị Điểm 1	25.000			
1.160	Đường Nguyễn Công Trứ	25.000			
1.161	Đường Nguyễn Hữu Đức	25.000			
1.162	Đường Nguyễn Văn Siêu	25.000			
-	Đường Nguyễn Văn Siêu 2	25.000			
-	Đường Nguyễn Văn Siêu 4	25.000			
1.163	Đường Phùng Khắc Khoan	25.000			
1.164	Đường Cao Bá Quát	25.000			
-	Đường Cao Bá Quát 1	25.000			
-	Đường Cao Bá Quát 2	25.000			
1.165	Đường Trại Nội	20.000			
1.166	Đường Đông Mo	20.000			
-	Đường Đông Mo 2	20.000			
1.167	Đường Đông Nghè	20.000			
-	Đường Đông Nghè 2	15.000			
1.168	Đường Mẹ Suốt	25.000			
-	Đường Mẹ Suốt 1	20.000			
-	Đường Mẹ Suốt 3	20.000			
1.169	Đường Cù Chính Lan	25.000			
-	Đường Cù Chính Lan 2	20.000			
1.170	Đường Song Hào	25.000			

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1.171	Đường Xuân Thủy	25.000			
-	Đường Xuân Thủy 1	25.000			
1.172	Đường Châu Văn Liêm	25.000			
-	Đường Châu Văn Liêm 1	20.000			
-	Đường Châu Văn Liêm 3	20.000			
1.173	Đường Dương Đức Hiền	25.000			
-	Đường Dương Đức Hiền 2	20.000			
-	Đường Dương Đức Hiền 4	20.000			
1.174	Đường Nguyễn Bình	30.000			
1.175	Đường Nguyễn Duy Trinh	25.000			
1.176	Đường Nguyễn Hữu Thọ	30.000			
1.177	Đường Trần Đăng Ninh	30.000			
1.178	Đường Phan Anh	25.000			
1.179	Đường Đặng Thủy Trâm	30.000			
-	Đường Đặng Thủy Trâm 1	25.000			
-	Đường Đặng Thủy Trâm 2	25.000			
-	Đường Đặng Thủy Trâm 3	25.000			
-	Đường Đặng Thủy Trâm 5	25.000			
1.180	Đường Trần Huy Liệu	30.000			
1.181	Đường Hoàng Minh Giám	30.000			
-	Đường Hoàng Minh Giám 1	20.000			
1.182	Đường Kim Đồng	20.000			
-	Đường Kim Đồng 1	20.000			
-	Đường Kim Đồng 2	20.000			
-	Đường Kim Đồng 3	20.000			
-	Đường Kim Đồng 4	20.000			
-	Đường Kim Đồng 5	20.000			
-	Đường Kim Đồng 7	20.000			
-	Đường Kim Đồng 9	20.000			
1.183	Đường Võ Chí Công	30.000			
-	Đường Võ Chí Công 1	25.000			
1.184	Đường Hồ Ngọc Lân	20.000			
-	Đường Hồ Ngọc Lân 1	20.000			
-	Đường Hồ Ngọc Lân 3	20.000			
1.185	Đường Nguyễn Lương Bằng	30.000			
1.186	Đường Tạ Uyên	20.000			
-	Đường Tạ Uyên 1	20.000			
1.187	Đường Hà Huy Tập	30.000			
1.188	Đường Lê Thiết Hùng	25.000			
1.189	Đường Phạm Huy Thông	35.000			
1.190	Đường Phạm Hùng	50.000			
1.191	Đường Bế Văn Đàn	45.000			
-	Đường Bế Văn Đàn 1	35.000			
-	Đường Bế Văn Đàn 2	35.000			
1.192	Đường Tô Hiệu	40.000			
-	Đường Tô Hiệu 2	35.000			
-	Đường Tô Hiệu 4	35.000			
-	Đường Tô Hiệu 6	35.000			
-	Đường Tô Hiệu 8	35.000			

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
-	Đường Tô Hiệu 10	35.000			
1.193	Đường Lê Đức Thọ	40.000			
1.194	Đường Mạc Thị Bưởi	50.000			
1.195	Đường Nguyễn Quang Cầu	45.000			
-	Đường Nguyễn Quang Cầu 1	40.000			
-	Đường Nguyễn Quang Cầu 3	40.000			
-	Đường Nguyễn Quang Cầu 5	40.000			
1.196	Đường Tây Ninh	45.000			
1.197	Đường Huỳnh Tấn Phát	48.000			
1.198	Đường Lê Quang Đạo	48.000			
1.199	Đường Nguyễn Đức Cảnh	45.000			
-	Đường Nguyễn Đức Cảnh 1	35.000			
1.200	Đường Võ Văn Tần	45.000			
1.201	Đường Tô Vĩnh Diện	45.000			
1.202	Đường Phan Đình Giót	45.000			
1.203	Đường Chu Đình Kỳ	45.000			
-	Đường Chu Đình Kỳ 3	40.000			
1.204	Đường Phùng Chí Kiên	45.000			
-	Đường Phùng Chí Kiên 4	40.000			
1.205	Đường Nguyễn Văn Huyền	25.000			
1.206	Đường Bùi Huy Phồn	25.000			
1.207	Đường Trần Văn Giàu	35.000			
1.208	Khu dân cư và khuôn viên cây xanh cạnh chợ Hòa Yên (không bao gồm các đường có tên)	25.000			
1.209	HTKT Khu chung cư cũ Trần Nguyên Hãn (không bao gồm các đường có tên)	25.000			
1.210	Khu dân cư thôn Núi, phường Dĩnh Trì (cũ) - (Không bao gồm các đường có tên)				
-	Trục đường mặt cắt rộng 21m	20.000			
-	Các đường còn lại	15.000			
1.211	Khu dân cư Cửa Trụ, phường Dĩnh Trì cũ (Không bao gồm các đường có tên)				
-	Các đường còn lại	17.000			
1.212	Khu dân cư thôn Thuyền, phường Dĩnh Trì cũ (Không bao gồm các đường có tên)				
-	Các đường còn lại	17.000			
1.213	Khu dân cư số 1 cạnh trường Cao đẳng Nghề Bắc Giang (Không bao gồm các đường có tên)				
-	Trục đường mặt cắt rộng 27m	30.000			
-	Trục đường mặt cắt rộng 21m	25.000			
-	Các đường còn lại	20.000			
1.214	Khu đô thị mới phía Tây Dĩnh Trì (Không bao gồm các đường có tên)				
-	Trục đường mặt cắt rộng 23m	30.000			
-	Trục đường mặt cắt rộng 18m	25.000			
-	Các đường còn lại	20.000			
1.215	Các đường còn lại trong Dự án Điểm dân cư cạnh đường Lê Duẩn (Không bao gồm các đường có tên)				
-	Trục đường mặt cắt rộng 19,5m	22.000			

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
-	Trục đường còn lại	21.500			
1.216	Các đường còn lại Khu đô thị phía Nam (khu số 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9) thuộc địa phận phường Bắc Giang (Không bao gồm các đường có tên)	40.000			
1.217	Khu phía Bắc khu đô thị số 19 (Không bao gồm các đường có tên)				
-	Các đường còn lại trong dự án	20.000			
1.218	Khu phía Nam khu đô thị số 19 (Không bao gồm các đường có tên)				
-	Trục đường mặt cắt rộng 36m	35.000			
-	Trục đường mặt cắt rộng 21m	22.000			
-	Các đường còn lại	20.000			
1.219	Khu phía Bắc khu đô thị số 22 (Không bao gồm các đường có tên)				
-	Trục đường mặt cắt rộng 30m	30.000			
-	Trục đường mặt cắt rộng 27m	30.000			
-	Trục đường mặt cắt rộng 21m	22.000			
-	Các đường còn lại	20.000			
1.220	Khu phía Nam khu đô thị số 22 (Không bao gồm các đường có tên)				
-	Trục đường mặt cắt rộng 27m	30.000			
-	Trục đường mặt cắt rộng 21m	22.000			
-	Các đường còn lại	20.000			
2	PHƯỜNG TÂN TIẾN				
2.1	Đường Hùng Vương (TL293)				
-	Đoạn từ đường QL 1A đến đường Lê Duẩn	100.000			
-	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Võ Văn Kiệt	90.000			
-	Đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến cầu Văn Sơn	70.000			
-	Đoạn từ hết cầu Văn Sơn đến hết địa phận phường Tân Tiến (TL299B)	40.000			
2.2	Đoạn đê Tả sông Thương	17.000			
2.3	Đường Võ Văn Kiệt	35.000			
2.4	Đường Trường Chinh				
-	Đoạn từ đường Hùng Vương đến Bể Văn Đàn	70.000			
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến cầu An Phong	50.000			
-	Đoạn từ hết cầu An Phong đến hết địa phận phường Tân Tiến	40.000			
2.5	Đường Tôn Đức Thắng	60.000			
-	Đường Tôn Đức Thắng 2	40.000			
-	Đường Tôn Đức Thắng 3	40.000			
-	Các đường còn lại Khu đô thị phía Nam (khu số 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9)	40.000			
2.6	Đường Huỳnh Thúc Kháng				
-	Đoạn từ đường An Bình 7 đến đường Hùng Vương	60.000			
-	Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Huỳnh Tấn Phát	70.000			
-	Đường Huỳnh Thúc Kháng 2	45.000			
-	Đường Huỳnh Thúc Kháng 4	45.000			
2.7	Đường Nguyễn Thị Định	50.000			
2.8	Đường Lê Duẩn				
-	Đoạn từ tiếp giáp đê Tả Thương đến đường Hùng Vương	60.000			